TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG

**KHOA: Kế toán - Kiểm toán**

**ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN LẦN 2**

**Học kỳ 3, năm học 2021 - 2022**

Mã học phần: DAC0021

Tên học phần: Kế toán tài chính 1

Mã nhóm lớp học phần: 213\_ DAC0021\_01

Thời gian làm bài (phút/ngày): 75 phút

Hình thức thi: **Trắc nghiệm kết hợp tự luận**

**Cách thức nộp bài phần tự luận:** Sinh viên gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi.

**Câu 01: *Random 1 trong 2 câu dưới đây***

**PHẦN TRẮC NGHIỆM (6 CÂU x 0,5 ĐIỂM/CÂU = 3 ĐIỂM)**

**Câu 1-a**:

Nghiệp vụ nào sau đây phản ánh vào bên Nợ TK 141?

**A**. Chi tiền tạm ứng cho nhân viên đi công tác

**B.** Chi tiền tạm ứng cho công ty địa ốc để thuê văn phòng

**C**. Chi tiền tạm ứng lương cho nhân viên

**D**. Chi tiền tạm ứng cho người bán để mua hàng

ANSWER: A

**Câu 1-b:**

Nghiệp vụ nào sau đây phản ánh vào bên Nợ TK 244?

**A**. Ký quỹ tiền đi thuê văn phòng cho công ty địa ốc

**B.** Nhận ký quỹ tiền cho thuê văn phòng

**C**. Nhận lại số tiền đã ký quỹ từ bên cho thuê văn phòng

**D**. Hoàn lại tiền đã nhận ký quỹ cho khách hàng

ANSWER: A

**Câu 02: *Random 1 trong 2 câu dưới đây***

**Câu 2-a:**

Đầu năm TK 2293 có số dư là 0. Hỏi trường hợp nào, kế toán hạch toán Nợ TK 642/Có TK 2293.

**A**. Cuối năm, công ty có khoản phải thu quá hạn từ 6 tháng trở lên cần trích lập dự phòng

**B.** Cuối tháng trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng trở lên

**C**. Cuối năm, trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng trở lên

**D.** Trong năm phát hiện khách hàng bị phá sản, kế toán trích lập dự phòng phải thu khó đòi

ANSWER: A

**Câu 2-b:**

Đầu năm TK 2293 có số dư là 100 triệu đồng. Hỏi trường hợp nào, kế toán hạch toán Nợ TK 2293: 30 triệu/CóTK 642: 30 triệu

**A**. Số dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập cuối năm là 70.000 triệu

**B.** Số dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập cuối năm là 30.000 triệu

**C**. Số dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập thêm vào thời điểm cuối năm 70.000 triệu,

**D**. Số dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập thêm vào thời điểm cuối năm là 30.000 triệu

ANSWER: A

**Câu 03: *Random 1 trong 2 câu dưới đây***

**Câu 3-a:**

Công ty A có số liệu về nguyên vật liệu X trong tháng 6/N như sau:  
Tồn đầu kỳ: 200 kg, đơn giá 50.000đ/kg  
Trong kỳ:  
-    Ngày 03/06: nhập kho 50 kg, đơn giá 52.000đ/kg  
-    Ngày 10/06: xuất kho 100 kg  
-    Ngày 23/06: nhập kho 120 kg, đơn 49.000đ/kg  
Hãy xác định trị giá nguyên vật liệu X xuất kho ngày 10/06 theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn:  
**A.** 5.040.000

**B.** 5.000.000

**C.** 5.200.000

**D.** 4.994.595

ANSWER: A

**Câu 3-b:**

Công ty A có số liệu về nguyên vật liệu X trong tháng 6/N như sau:  
Tồn đầu kỳ: 200 kg, đơn giá 50.000đ/kg  
Trong kỳ:  
-    Ngày 03/06: nhập kho 50 kg, đơn giá 52.000đ/kg  
-    Ngày 10/06: xuất kho 100 kg  
-    Ngày 23/06: nhập kho 120 kg, đơn 49.000đ/kg  
Hãy xác định trị giá nguyên vật liệu X xuất kho ngày 10/06 theo phương pháp FIFO (nhập trước xuất trước

**A.** 5.000.000

**B.** 5.040.000

**C.** 5.200.000

**D.** 4.994.595

ANSWER: A

**Câu 04: *Random 1 trong 2 câu dưới đây***

**Câu 4-a:**

Trường hợp nào KHÔNG ghi tăng nguyên giá TSCĐ?

**A.** Lãi mua trả chậm trả góp 1 TS cố định hữu hình về dùng ngay.

**B.** Chi phí vận chuyển tài sản cố định hữu hình mua về dùng ngay

**C.** Chi phí lắp đặt, chạy thử tài sản cố định hữu hình

**D**. Thuế nhập khẩu tài sản cố định hữu hình

ANSWER: A

**Câu 4-b:**

Số thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định hữu hình được ghi vào?

**A.** Ghi tăng thu nhập khác

**B.** Ghi tăng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

**C.** Ghi giảm chi phí khác.

**D.** Ghi tăng doanh thu hoạt động tài chính.

ANSWER: A

**Câu 05: *Random 1 trong 2 câu dưới đây***

**Câu 5-a:**

Phát biểu nào sau đây ĐÚNG?

**A.** Thuế nhập khẩu tài sản cố định hữu hình sẽ được ghi nhận vào nguyên giá của tài sản cố định hữu hình

**B.** Tất cả các khoản thuế phải nộp được hạch toán vào chi phí

**C.** Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp

**D.** Thuế thu nhập cá nhân của giám đốc kinh doanh phải nộp được ghi nhận vào chi phí bán hàng

ANSWER: A

**Câu 5-b:**

Phát biểu nào sau đây SAI?

**A.** Thuế thu nhập cá nhân của giám đốc kinh doanh phải nộp được ghi nhận vào chi phí bán hàng

**B.** Thuế tài nguyên phải nộp được ghi nhận vào chi phí quản lý chung

**C.** Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi nhận vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

**D.** Thuế nhập khẩu tài sản cố định hữu hình sẽ được ghi nhận vào nguyên giá của tài sản cố định hữu hình

ANSWER: A

**Câu 06: *Random 1 trong 2 câu dưới đây***

**Câu 6-a:**

Trường hợp nào sau đây KHÔNG ghi nhận vào bên Nợ TK 421:

**A.** Trong năm tổng doanh thu bằng tổng chi phí

**B.** Trong năm tổng doanh thu nhỏ hơn tổng chi phí

**C.** Kết quả kinh doanh lỗ

**D.** Trích lập quỹ khen thưởng từ lợi nhuận sau thuế

ANSWER: A

**Câu 6-b:**

Trường hợp nào sau đây ghi nhận vào bên Nợ TK 421:

**A.** Trong năm tổng doanh thu nhỏ hơn tổng chi phí

**B.** Trong năm tổng doanh thu lớn hơn tổng chi phí

**C.** Kết quả kinh doanh lời

**D.** Trong năm tổng doanh thu bằng tổng chi phí

ANSWER: A

**PHẦN TỰ LUẬN (7 ĐIỂM)**

**Câu 1: (7,0 điểm)**

**Đáp án: (7 ĐIỂM)**

*Công ty Bình Minh chuyên sản xuất sản phẩm A, áp dụng kê khai và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế; hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên; tính trị giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn; áp dụng kỳ kế toán năm. Trong kỳ công ty có các số liệu liên quan hoạt động kinh doanh được kế toán ghi nhận trong các tài liệu sau đây:*

Tài liệu 1 - Số dư của một số tài khoản tại ngày 01/12/N, như sau:

* TK 152\_Y: 60.000.000đ (Chi tiết 10.000 kg nguyên liệu Y)
* TK 1531\_V: 12.000.000đ (chi tiết 4 chiếc công cụ dụng cụ V)
* TK 331\_T (Dư Nợ): 10.000.000đ (Ứng trước tiền mua hàng cho nhà cung cấp T)
* TK 155\_A: 40.000.000 (Chi tiết 1.000 đơn vị sản phẩm A)
* TK 2113X: 60.000.000
* TK 2141X: 28.000.000
* TK 242\_M: 12.000.000 (trị giá công cụ M còn phân bổ cho 3 tháng cho phân xưởng)
* Các tài khoản khác có số dư hợp lý.

Tài liệu 2 - Trong tháng 01/N, có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau:

**1. Ngày 01,** nhượng bán tài sản cố định X đang dùng tại phân xưởng với giá thanh lý chưa thuế là 33.000.000đ, thuế GTGT 10% thu đủ bằng tiền gửi ngân hàng. Chi phí nhượng bán tài sản X liên quan phải trả cho đơn vị N là 330.000đ (đã bao gồm thuế GTGT 10%). **(1,5 điểm)**

**+ Giảm TSCĐ (0,5 điểm)**

Nợ TK 811 32.000.000

Nợ TK 2141 28.000.000

Có TK 2113X 60.000.000

**+ Chi phí (0,5 điểm)**

Nợ TK 811 300.000

Nợ TK 133 30.000

Có TK 331N 330.000

**+ Khoản thu từ thanh lý (0,5 điểm)**

Nợ TK 112 36.300.000

Có TK 711 33.000.000

Có TK 33311 3.300.000

**2. Ngày 05**, công ty mua nhập kho 10.000kg nguyên liệu Y với đơn giá chưa thuế là 4.800đ/kg, thuế GTGT 10%, đã ứng trước tiền cho bên bán T, số còn lại chưa thanh toán. Chi phí vận chuyển nguyên liệu về kho là 1.210.000 (đã bao gồm thuế GTGT 10%) thanh toán bằng tiền mặt. **(1,0 điểm)**

**+ Mua nhập kho nguyên liệu (0,5 điểm)**

Nợ TK 152Y 48.000.000

Nợ TK 1331 4.800.000

Có TK 331\_T 52.800.000

**+ Chi phí vận chuyển (0,5 điểm)**

Nợ TK 152Y 1.100.000

Nợ TK 1331 110.000

Có TK 111 1.210.000

**3. Ngày 04,** công ty xuất kho 5.000 kg nguyên liệu Y và 1 chiếc công cụ V (loại phân bổ 1 lần) đưa vào sản xuất sản phẩm A. **(1,0 điểm)**

**+ Xuất kho nguyên liệu: (0,5 điểm)**

Nợ TK 621\_A 24.550.000

Có TK 152\_Y 24.550.000

**+ Xuất kho công cụ dụng cụ loại phân bổ 1 lần (0,5 điểm)**

Nợ 6273A 3.000.000

Có TK 1531\_V 3.000.000

**4. Ngày 10**, công ty xuất kho thành phẩm A bán cho khách hàng W với số lượng 200 đơn vị, đơn giá bán chưa thuế là 65.000đ/sp, thuế GTGT 10% chưa thu tiền. Chi phí vận chuyển giao hàng cho khách là 550.000đ (đã bao gồm thuế GTGT 10%) được công ty thanh toán bằng tiền mặt. **(1,5 điểm)**

**+ Giá vốn hàng bán: (0,5 điểm)**

Nợ TK 632 8.000.000

Có TK 155\_A 8.000.000

**+ DTBH (0,5 điểm)**

Nợ TK 131W 14.300.000

Có TK 511 13.000.000

Có TK 33311 1.300.000

**+ CP vận chuyển giao hàng cho khách (0,5 điểm)**

Nợ TK 641 550.000

Nợ TK 133 50.000

Có TK 111 550.000

**5**. **Ngày 12**, chuyển khoản thanh toán số nợ còn lai cho nhà cung cấp T. **(0,5 điểm)**

+ **Chuyển khoản thanh toán nợ (0,5 điểm)**

Nợ TK 331T 42.800.000

Có TK 112 42.800.000

**6**. **Ngày 26**, Quản đốc báo hỏng công cụ M đang sử dụng tại xưởng, phế liệu thu hồi nhập kho ước tính là 400.000 **(0,5 điểm)**

+ **Báo hỏng CCDC đang sử dụng (0,5 điểm)**

Nợ TK 6273 11.600.000

Nợ TK 152 400.0000

Có TK 242\_M 12.000.000

**7.** **Ngày 31**, tính lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm là 40.000.000đ và 2.000.000đ tiền trích trước lương nghỉ phép cho đối tượng này; Lương phải trả cho quản lý phân xưởng là 22.000.000đ. Trích BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ theo tỷ lệ 23,5% doanh nghiệp, 10,5% người lao động chịu **(1,0 điểm)**

+ **Chi phí lương (0,5 điểm)**

Nợ TK 622 42.000.000

Nợ TK 627 22.000.000

Có TK 334 62.000.000

Có TK 335 2.000.000

+ **Các khoản trích theo lương (0,5 điểm)**

Nợ TK 622 9.400.000

Nợ TK 627 5.170.000

Nợ TK 334 6.510.000

Có TK 338 14.880.000

**Yêu cầu:** Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên đây

*Ngày biên soạn: 26/06/2022*

**Giảng viên biên soạn đề thi: Tăng Trí Hùng**

*Ngày kiểm duyệt: 28/06/2022*

**Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn kiểm duyệt đề thi: Nguyễn Thị Thu Vân**

- Sau khi kiểm duyệt đề thi, **Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn** gửi về Trung tâm Khảo thí qua email: bao gồmfile word và file pdf (được đặt password trên 1 file nén/lần gửi) và nhắn tin password + họ tên GV gửi qua Số điện thoại Thầy Phan Nhất Linh (**0918.01.03.09**).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng File Hot Potatoes. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ thêm Quý Thầy Cô.